DANH SÁCH SINH VIÊN K35
NHẬN HỌC BỔNG HK 2
Khoa Tiếng Anh (năm học 2011 - 2012)
Kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-ĐHSP-CTCTHSSV ngày 19/10/2012

STT	Họ và tên		MSSV	ĐTBCHT	ĐRL	Mức học bổng	Số tiền
1	Phan Trần Hồng	Ân	K35.701.003	8.5285		300,000	1,500,000
2	Phùng Thị Kim	Dung	K35.701.006	8.0880		300,000	1,500,000
3	Lê Thị Trung	Đính	K35.701.011	8.1280		300,000	1,500,000
4	Nguyễn Dương Hoàng	Minh	K35.701.029	8.2883		300,000	1,500,000
5	Võ Thị Hoàng	Ngân	K35.701.033	8.2483		300,000	1,500,000
6	Trịnh Dao Nguyệt	Nữ	K35.701.040	8.6073		240,000	1,200,000
7	Đinh Ngọc Quỳnh	Phong	K35.701.041	7.9681		240,000	1,200,000
8	Huỳnh Ngô Minh	Tâm	K35.701.045	8.2488		300,000	1,500,000
9	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	K35.701.052	8.2885		300,000	1,500,000
10	Phạm Thùy	Trang	K35.701.062	7.9685		240,000	1,200,000
11	Lê Thùy	Trang	K35.701.063	8.5673		240,000	1,200,000
12	Bùi Thị Ngọc	Huyền	K35.701.017	8.0488		300,000	1,500,000

13	Nguyễn Đăng	Khoa	K35.701.024	8.0488	300,000	1,500,000
14	Trần Bá	Linh	K35.701.026	8.2872	240,000	1,200,000
15	Trịnh Thị Thu	Hằng	K35.751.026	7.5480	240,000	1,200,000
16	Trần Nguyễn Hoài	Phương	K35.751.077	7.5472	240,000	1,200,000
17	Phạm Thị Thanh	Thảo	K35.751.089	7.9277	240,000	1,200,000
18	Đào Lê Thanh	Thúy	K35.751.091	7.4677	240,000	1,200,000
19	Trần	Trí	K35.751.112	7.3172	240,000	1,200,000
20	Nguyễn Thị Hải	Yến	K35.751.123	8.2378	240,000	1,200,000
21	Lý Thế	Dinh	K35.751.014	7.9273	240,000	1,200,000
22	Trần Thị Hương	Giang	K35.751.024	7.6977	240,000	1,200,000
23	Lê Ngọc Xuân	Khuê	K35.751.039	7.3172	240,000	1,200,000
24	Tống Phạm Hải	Ly	K35.751.054	7.5472	240,000	1,200,000
25	Hoàng Trần Quỳnh	Như	K35.751.072	7.5472	240,000	1,200,000
26	Nguyễn Hoàng	Phúc	K35.751.074	7.2375	240,000	1,200,000
27	Bùi Quốc Nhật	Phương	K35.751.076	7.7772	240,000	1,200,000
28	Nguyễn Sơn Bảo	Phương	K35.751.078	7.1575	240,000	1,200,000
29	Ngô Thụy	Quỳn	K35.751	7.6972	240,000	1,200,000

	Phương h	.081			0	
30	Bùi Thị Th	K35	7.4672	240,	1,20	
	Kim ủy	.751		000	0,00	
		.093			0	
31	Khưu Tù	K35	7.7772	240,	1,20	
	Thanh ng	.751		000	0,00	
		.115			0	
32	Nguyễn An	K35	7.4476	240,	1,20	
	Hà Trúch	.751		000	0,00	
		.006			0	
33	Ngô Gia	K35	7.3975	240,	1,20	
	Hương ng	.751		000	0,00	
		.023			0	
34	Trần Hạ	K35	7.94 74	240,	1,20	
	Như nh	.751		000	0,00	
		.027			0	
35	Nguyễn Lin	K35	7.6175	240,	1,20	
	Hà h	.751		000	0,00	
	Khiết	.043			0	
36	Trương Ng	K35	7.5080	240,	1,20	
	Vũ a	.751		000	0,00	
	Diệu	.060			0	
37	Phạm Th	K35	7.3381	240,	1,20	
	Thị ắm	.751		000	0,00	
	Hồng	.086			0	
38	Đoàn Th	K35	7.2875	240,	1,20	
	Lê Trúc y	.751		000	0,00	
		.094			0	
39	Trần Tra	K35	8.0680	300,	1,50	
	Thị ng	.751		000	0,00	
	Thùy	.102			0	
40	Diệp Trú	K35	7.3380	240,	1,20	
	Thanh c	.751		000	0,00	
		.109			0	
41	Đồng Uy	K35	7.7881	240,	1,20	
	Thị Tố ên	.751		000	0,00	
		.118			0	